

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu đang lên, khu vực nội đồng mực nước lên chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước lên chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm; mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 01/10 ở mức xấp xỉ và thấp hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 5-25cm, thấp hơn TBNN từ 35-50cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên theo triều. Mực nước cao nhất ngày 01/10 ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 5-25cm. Mực nước thấp nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 10-15cm và thấp hơn TBNN từ 10-20cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch lên chậm; mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 01/10 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 05-30cm, xấp xỉ và thấp hơn TBNN từ 05-50cm.

- Khu vực cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại trạm Xẻo Rô, mực nước lớn nhất và nhỏ nhất ngày 01/10 ở mức 58cm, mực nước cao nhất và thấp nhất ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 10-20cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Do ảnh hưởng lũ thượng nguồn sông Mekong truyền về nên mực nước trên các sông kênh lên nhanh trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch có xu thế lên nhanh do ảnh hưởng triều cường Rằm tháng Tám (Âm lịch) và lũ đầu nguồn.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên chậm trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Trên sông Cái Lớn - Cái Bé, dao động theo triều biển Tây với xu thế xuống dần trong những ngày tới.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn, triều cường, nước dâng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 03/10/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 01/10						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			02/10	03/10	04/10	05/10	06/10	02/10	03/10	04/10	05/10	06/10
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	324	27	-31	339	14	-29	345	350	355	360	365	330	336	340	345	351
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	215	21	-6	250	-10	-5	260	265	273	283	290	218	223	228	235	243
Hậu	Khánh An	420	470	520	450	14	17	455	17	23	460	463	466	472	478	454	458	463	468	474
	Châu Đốc	300	350	400	270	9	-45	286	-10	-43	290	294	300	306	314	273	278	283	288	295
	Long Xuyên	190	220	250	155	15	8	200	-29	-10	217	222	232	244	252	158	163	168	175	183
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	222	18	-20	252	-11	-19	261	266	274	284	291	225	230	235	242	250
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	288	27	-11	292	26	-16	294	297	301	305	309	292	295	299	303	307
	Vĩnh Gia	200	240	280	130	21	-36	134	24	-47	135	136	138	140	143	133	134	136	138	140
	Vĩnh Điều	170	200	230	112	25	6	117	26	1	118	119	121	123	126	115	116	118	120	122
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	103	5	-2	107	7	-1	108	109	111	113	116	106	107	109	111	113
T5	Nông Trường	160	190	220	113	10	1	114	9	-1	115	116	118	120	123	114	115	117	119	122
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	180	14	-25	182	15	-26	184	186	188	191	194	183	185	187	189	192
	Cô Tô	140	180	220	158	10	0	160	11	0	161	162	164	166	169	159	160	161	163	166
	Nam Thái Sơn	90	120	150	105	10	-	107	10	-	108	109	110	112	114	106	107	108	109	111
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	126	12	-40	128	14	-45	129	130	132	134	137	127	128	129	131	134
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	159	14	-4	166	16	3	165	165	167	170	174	160	161	163	165	168
Núi Chóc Nặng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	216	15	-3	224	15	-5	224	225	227	230	234	218	219	220	221	222
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	149	15	-16	161	13	-12	160	160	162	165	169	150	151	152	153	154
	Tân Thành	120	150	180	118	11	11	121	11	11	121	122	123	125	127	119	120	121	122	124
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	94	13	11	95	10	10	94	95	96	97	99	94	94	95	96	97
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	9	6	10	59	16	9	60	61	59	57	56	10	11	12	10	11
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-13	-1	0	58	17	10	57	54	51	48	45	-15	-13	-10	-5	-2

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





